

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UNMD-TNMT
V/v báo cáo kết quả thực hiện
danh mục thu hồi đất; danh mục
chuyển mục đích đất trồng lúa,
đất rừng phòng hộ năm 2021,
đăng ký danh mục công trình
năm 2022.

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Công văn Số 9495/STNMT-CSĐĐ, ngày 29/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, danh mục chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trình HĐND tỉnh thông qua. UBND huyện báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2021; Danh mục công trình, dự án thu hồi đất, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 cấp huyện.

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc chấp thuận các dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020; Nghị Quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021; Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; Nghị Quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021).

1.1 Kết quả thực hiện Công trình, dự án trong Danh mục dự án thu hồi đất năm 2021 (dự kiến đến 31/12/2021):

Tổng số Công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2021 là: 125 dự án; Diện tích là: 205,38 ha. Trong đó:

Số Dự án hoàn thành thu hồi đất trong năm 2021 là 05 dự án, diện tích 7,56 ha;

Số Dự án chưa thực hiện thu hồi đất trong năm 2021 phải chuyển sang năm 2021 là 120 dự án, diện tích 197,24 ha.

(Có biểu số 01 kèm theo Công văn này)

1.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 (dự kiến thực hiện đến 31/12/2021)

Tổng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 được phép chuyển mục đích sử dụng là 04 dự án; diện tích 17,14 ha. Trong đó:

Số công trình, dự án đã hoàn thành là 3 dự án; diện tích: 13,77 ha;

Số công trình, dự án chưa hoàn thành là 01 dự án; diện tích: 3,44 ha.

(Có biểu số 02 kèm theo Công văn này)

1.3 Kết quả thu tiền sử dụng đất từ giao đất có thu tiền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất

Tổng số tiền phải thu theo kết quả trúng đấu giá: 615.581 triệu đồng; trong đó:

- Thu chuyển tiếp của năm 2020: 85.182 triệu đồng;
- Thu theo kết quả đấu giá đất năm 2021: 530.399 triệu đồng

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện.

Sau khi được HĐND tỉnh chấp thuận danh mục thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, UBND huyện đã kịp thời triển khai các văn bản đề UBND các xã, thị trấn, Trưởng các phòng, ngành tổ chức triển khai các bước thủ tục theo đúng quy định.

Tuy nhiên trong năm 2021, do Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Triệu Sơn đến ngày 06/9/2021 UBND tỉnh mới phê duyệt. Do đó, các công trình dự án thu hồi đất năm 2021 đang trong giai đoạn triển khai các bước thủ tục, chưa thể hoàn thành trong năm 2021. Mặt khác việc triển khai các bước thủ tục về phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; trích lục vị trí khu đất, trình HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải qua nhiều bước thủ tục, mất nhiều thời gian, dẫn đến kéo dài, làm chậm tiến độ thực hiện dự án.

2. Đề xuất danh mục dự án phải thu hồi đất; danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

2.1. Danh mục công trình dự án phải thu hồi đất năm 2022:

Danh mục công trình dự án cần phải thu hồi đất trong năm 2022: 132 dự án, với tổng diện tích 248,14 ha.

- Dự án mới: 120, diện tích 230,52 ha.
- Dự án chuyển tiếp: 12, diện tích: 17,57ha.

(Có biểu 03 danh mục công trình, dự án thu hồi đất gửi kèm)

2.2. Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2022:

Tổng dự án xin chuyển mục đích đất trồng lúa: 04 dự án, diện tích 18,63 ha. Trong đó: Chuyển mục đích đất trồng lúa: 04 dự án, diện tích: 18,63 ha. Trong đó: Diện tích đất trồng lúa: 14,84; đất khác: 3,79 ha.

(Có biểu 04 danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích đất lúa kèm theo)

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo đề Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (báo/cáo);
- Chủ tịch UBND huyện (báo/cáo);
- Lưu VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Phú Quốc

B	Công trình dự án, cấp huyện		205,08	76,76		0,66	7,45	6,85		7,56	4,90		0,66	2,00		196,94
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		205,08	76,76		0,66	7,45	6,85		7,56	4,90		0,66	2,00		196,94
1	Dự án khu dân cư đô thị		3,10	3,03				0,07								3,10
1.1	Khu dân cư Đầm Bôi Thôn Tân Minh (thôn 7 cũ)	Thị trấn Triệu Sơn	1,00	0,96				0,04	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa,							1,00
1.2	Khu dân cư Thôn Tân Dân	Thị trấn Triệu Sơn	2,10	2,07				0,03	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021							2,10
1.3	Khu dân cư mới tổ dân phố 2 (vị trí 1)	Thị trấn Nưa	3,69	3,39				0,30	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021							
2	Dự án khu dân cư nông thôn		38,05	36,10			0,22	1,73								38,05
2.1	Dự án tái định cư xã Đồng Tiến để GPMB thực hiện dự án đường Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi khu kinh tế Nghi Sơn	Xã Đồng Tiến	3,30	3,12				0,18	Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021							3,30

	từ đường 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân														
2.6	Dự án tái định cư xã Đồng Thắng để GPMB thực hiện dự án đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi khu kinh tế Nghi Sơn	Xã Đồng Thắng	7,74	6,94			0,80	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021							7,74
2.7	Dự án tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thọ Tiến để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân	Xã Thọ Tiến	5,05	4,87			0,18	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021							5,05
3	Dự án trụ sở cơ quan		1,76			0,66	0,32	0,78		0,66			0,66		1,10
3.1	Mở rộng Trụ sở UBND xã	Xã Thọ vực	0,32				0,32		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,32
3.2	Trụ sở UBND xã	Xã Thọ Cường	0,66			0,66			Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	0,66			0,66		

									Thanh Hóa						
3.3	Mở rộng trụ sở ủy ban xã	Xã Bình Sơn	0,14					0,14	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,14
3.4	Trụ sở UBND xã	Xã Hợp Tiến	0,64					0,64	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,64
5	Dự án công trình giao thông		8,15	7,74			0,28	0,13							8,15
5.1	Đường nối từ đường giao thông liên xã Cầu Trắng - Đồng Lợi (Xã Tiên Nông) đến Quốc lộ 47C (xã Vân Sơn)	Xã Tiên Nông, Xã Nông Trường, Xã Vân Sơn	6,10	3,20			0,50	2,40	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 110/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						
5.2	Đường nối từ đường giao thông liên xã Cầu Trắng - Đồng Lợi (Xã Khuyến Nông) đến đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa - CHK Thọ Xuân (xã Đồng Lợi)	Xã Khuyến Nông, Xã Đồng Lợi	4,00	1,00			0,50	2,50	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 110/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						
5.3	Mở rộng tuyến đường từ đê sông Hoàng đến cầu thôn 2, xã Dân Lý	Xã Dân Lý	0,20					0,20	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 110/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						

5.4	Đường giao thông khu thể thao trung tâm huyện	Xã Minh Sơn	1,22	1,22					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							1,22
5.5	Hệ thống giao thông thủy lợi tại xứ đồng Cây Trí , thôn Diên Thành, huyện Triệu Sơn	Xã Hợp Thành	1,95	1,95					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							1,95
5.6	Mở rộng đường giao thông từ trung tâm xã đi thôn Thái Minh rộng 10m	Xã Thái Hoà	0,43	0,38			0,05		Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá							0,43
5.7	Đường nối QL-47C (Chợ Chua)đi thôn 6	Xã Thọ Vực	1,30	1,30					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							1,30
5.8	Đường nối QL-47C (Bạc Đằng) đi thôn 6	Xã Thọ Vực	1,00	1,00					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							1,00
5.9	Đường nối QL-47C - chợ Chua đi nhà văn hóa thôn 2	Xã Thọ Vực	0,50	0,50					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,50
5.10	Mở rộng đường từ đầu cầu đến QL 47C (13m)	Xã Xuân Lộc	0,06	0,06					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,06
5.11	Mở rộng đường từ hộ ông Thanh đi Đòng Vội	Xã Xuân Lộc	0,34	0,29			0,05		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh							0,34

		Hoà, Hợp Thăng, Minh Sơn, An Nông							của HĐND tỉnh Thanh Hóa							
7.7	Xây dựng xuất tuyến lộ 474 trạm 110kV Triệu Sơn	Thị trấn Nưa, Vân Sơn, Thái Hoà, Hợp Thăng, Minh Sơn, An Nông	0,011	0,010				0,001	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,01
7.8	Xây dựng đường dây và TBA để CQT, giảm tổn thất và cải thiện chất lượng điện áp khu vực ĐL tỉnh	Bình Sơn	0,015	0,005				0,010	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,02
7.9	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp tỉnh Thanh Hóa theo phương án đa chia đa nối (MDMC)- Khu vực Tây TP Thanh Hóa, trung tâm huyện Triệu Sơn, Nông Cống, Hà Trung	Xã Khuyến Nông, Xã Thọ Cường, Xã Thọ Tiền	0,016	0,016					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,02
7.10	Xây dựng xuất tuyến lộ 372 trạm 110 kV Triệu Sơn	Xã Vân Sơn, Thái Hòa, Thị trấn Nưa	0,044	0,040				0,004	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,04
7.11	Xây dựng xuất tuyến lộ 472 trạm 110 kV Triệu Sơn	Thị Trấn Triệu Sơn, Thọ Cường, Hợp Thăng, Dân Quyền, An Nông, Dân Lý, Vân Sơn	0,071	0,070				0,001	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,07
7.12	Xây dựng xuất tuyến lộ 474 trạm 110 kV Triệu Sơn	Hợp Tiến, An Nông, Vân Sơn	0,011	0,011					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh							0,01

8	Công trình cơ sở văn hoá		5,59	2,81			1,37	1,41							5,59
8.1	Nhà Văn hóa phố 1	TT. Triệu Sơn	0,10					0,10	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,10
8.2	Nhà Văn hóa phố 2	TT. Triệu Sơn	0,12	0,09				0,03	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,12
8.3	Nhà văn hóa Tổ dân phố 2	Thị trấn Nưa	0,15	0,15					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,15
8.4	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng 2	Xã Đồng Thắng	0,22					0,22	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,22
8.5	Nhà văn hóa thôn Đô Quang	Xã An Nông	0,10					0,10	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,10
8.6	Nhà văn hóa thôn Nga Nha Thượng	Xã Tiến Nông	0,07					0,07	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,07
8.7	Nhà văn hóa thôn Nga My Thượng	Xã Tiến Nông	0,17	0,17					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,17
8.8	Mở rộng nhà văn hóa thôn 4	Xã Thọ vực	0,07					0,07	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa						0,07

8.26	Đất văn hoá thôn 4 (NVH+STT)	Xã Xuân Thọ	0,24	0,24					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,24	
8.27	Mở rộng dải tường niệm	Xã Xuân Thọ	0,25				0,08	0,17	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,25	
8.28	Nhà văn hoá thôn Yên Trinh	Xã Xuân Lộc	0,07					0,07	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,07	
8.29	Nhà Văn hóa Thôn 1	Xã Hợp Tiến	0,22	0,22					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,22	
8.30	Mở rộng Nhà Văn hóa Thôn 5	Xã Hợp Tiến	0,10	0,10					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,10	
8.31	Nhà văn hóa thôn Tâm Tiến	Xã Hợp Thắng	0,20					0,20	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,20	
8.32	Nhà văn hóa Đồng Khang	Xã Hợp Thắng	0,20	0,20					Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,20	
8.33	Nhà văn hóa thôn Châu Cương	Xã Hợp Thắng	0,20	0,20					Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa									0,20	
9	Công trình xây dựng cơ sở thể thao		15,25	10,56			3,07	1,62						6,90	4,90			2,00	8,35

									Thanh Hóa							
14.2	Bãi thải, xử lý chất thải	Xã Thọ Bình	1,00	0,20			0,80		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							1,00
14.3	Đất bãi thải, xử lý chất thải bán giếng	Xã Xuân Lộc	0,35	0,35					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,35
15	Dự án đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		3,47	2,85			0,62									3,47
15.1	Mở rộng nghĩa địa Cồn lồi thôn 2	TT. Triệu Sơn	1,60	1,60					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							1,60
15.2	Mở rộng Nghĩa trang Mã Bản	Thị trấn Nưa	0,50				0,50		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,50
15.3	Mở rộng nghĩa địa Ao Chu	Xã Hợp Tiến	0,37	0,37					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,37
15.4	Mở rộng khu Nghĩa Trang Quân Trúc	Xã Khuyến Nông	0,50	0,50					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,50
15.5	Mở rộng nghĩa địa thôn 7	Xã Thọ Vực	0,30	0,18			0,12		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,30
15.6	Mở rộng nghĩa địa thôn 1	Xã Thọ Vực	0,20	0,20					Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa							0,20

									Thanh Hóa						
16	Dự án cụm công nghiệp		109,30	100,73			0,64	7,93							109,30
16.1	Cụm Công nghiệp Hợp Thắng	Xã Hợp Thắng	70,00	65,78				4,22	Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v thành lập cụm CN Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá						70,00
16.2	Cụm CN Dân Lực	Dân Lực Thị Trấn Triệu Sơn Dân Quyền	39,30	34,95			0,64	3,71	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v thành lập cụm CN Dân Lý - Dân Lực - Dân Quyền huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá						39,30

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG, DỰ KIẾN ĐẾN 31/12/2021

STT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ, đặc dụng được Thường trực HĐND tỉnh thông qua						Số Nghị quyết, văn bản của HĐND tỉnh	Diện tích đã thực hiện chuyển mục đích					
		Tổng DT (ha)	Trong đó các loại đất						Tổng DT (ha)	Trong đó các loại đất				
			LUA	RPH	RDD	Đất NN còn lại	Đất PNN Đất CSD			LUA	RPH	RDD	Đất NN còn lại	Đất PNN Đất CSD
(1)	(2)	(3)= (4)+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)= (11+..(14)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
A	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	17,14	9,07			5,49	2,58		13,77	7,84			5,49	0,44
I	Dự án xây dựng cơ sở thể dục thể thao	9,38	6,13			2,00	1,25		6,90	4,90			2,00	
1.1	Sân Vận Động trung tâm huyện	6,68	5,43				1,25	Nghị quyết số 380/NQ-HDND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	4,20	4,20				
1.2	Khu phức hợp thể thao xã Thọ Tiến	2,00				2,00		Nghị quyết số 380/NQ-HDND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	2,00				2,00	
1.3	Sân thể thao trung tâm xã Thọ Dân	0,70	0,70					Nghị quyết số 380/NQ-HDND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	0,70	0,70				

B	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê QSD đất, nhận góp vốn bằng QSD đất	7,76	2,94			3,49	1,33		6,87	2,94			3,49	0,44
III	Dự án đất nông nghiệp khác	7,76	2,94			3,49	1,33		6,87	2,94			3,49	0,44
1	Trang trại dịch vụ tổng hợp Nhật Minh	7,76	2,94			3,49	1,33	Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	6,87	2,94			3,49	0,44

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2022 CỦA HUYỆN TRIỆU SƠN

STT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư; nguồn vốn đầu tư của cơ quan có thẩm quyền	Trích vị trí khu đất	Sự phù hợp Quy hoạch sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)
A	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất năm 2022					
I	Dự án khu dân cư	194,340				
1	Dự án khu dân cư đô thị	50,500				
1.1	Khu dân cư mới Nam đồng Nấn 3	8,800	Thị trấn Triệu Sơn	Thông báo số 387-TB/HU ngày 25/10/2021 của Thường trực Huyện ủy huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.2	Khu Dân cư mới Phía Bắc đường Tinh 514	9,500	Thị trấn Triệu Sơn	Thông báo số 387-TB/HU ngày 25/10/2021 của Thường trực Huyện ủy huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.3	Khu Dân cư Phía Nam đường Tinh 514	6,900	Thị trấn Triệu Sơn	Văn bản số 5585/UBND-KTHT ngày 08/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn V/v lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nam đường tinh 514 tại thị trấn Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.4	Khu Dân cư mới Phía Đông Nam Cầu Trắng	6,950	Thị trấn Triệu Sơn	Thông báo số 387-TB/HU ngày 25/10/2021 của Thường trực Huyện ủy huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.5	Khu dân cư mới thị trấn Triệu Sơn (khu trung tâm văn hoá thể thao huyện CX03+TDTT01)	5,750	Thị trấn Triệu Sơn	Thông báo số 346-TB/HU ngày 31/8/2021 của Thường trực Huyện ủy huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Ban Quản Lý dự án huyện Triệu Sơn lập ngày 05/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.6	Xen cư nhà văn hóa	0,200	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 23/8/2021 của HĐND Thị trấn Triệu Sơn	Trích vị trí do UBND thị trấn Triệu Sơn lập ngày 05/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.7	Điểm dân cư lô DCM 04 +DCM 05 +HT 107 +HT 108)	4,150	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/8/2021 của HĐND Thị trấn Triệu Sơn	Trích vị trí do UBND thị trấn Triệu Sơn lập ngày 05/11/2021	Phù hợp quy hoạch

1.8	Dự án đất khu dân cư	6,600	Thị trấn Nưa	Văn bản số 4408/UBND-CN ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá v/v lập quy hoạch và tài trợ kinh phí lập quy hoạch khu văn hoá thể thao và nhà ở Bà Triệu tại thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 12/8/2021	Phù hợp quy hoạch
1.9	Khu dân cư mới lô 3,4 tổ dân phố 8	1,630	Thị trấn Nưa	Nghị quyết số 181/NQ-HDND ngày 31/12/2020 của HĐND Thị trấn Nưa	Trích vị trí do UBND thị trấn Nưa lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.10	Xen cư thôn 5 (tổ dân phố 5 thị trấn Nưa)	0,010	Thị trấn Nưa	Nghị quyết số 184/NQ-HDND ngày 31/12/2020 của HĐND Thị trấn Nưa	Trích vị trí do UBND thị trấn Nưa lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
1.11	Xen cư thôn 8 (tổ dân phố 8 thị trấn Nưa)	0,010	Thị trấn Nưa	Nghị quyết số 185/NQ-HDND ngày 31/12/2020 của HĐND Thị trấn Nưa	Trích vị trí do UBND thị trấn Nưa lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2	Khu dân cư nông thôn	143,840				
2.1	Nhà ở xã hội Xã Đồng Lợi	9,700	Xã Đồng Lợi	Công Văn số 16060/UBND-CN ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 729/TLBD tỷ lệ 1/2000 ngày 03/11/2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá thực hiện	Phù hợp quy hoạch
2.2	Khu dân cư mới phía Đông đô thị Gốm	6,500	Xã Đồng Lợi	Văn bản số 5547/UBND-CN ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3795/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt kế hoạch nhà ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.3	Khu dân cư mới Lợi Lộc tại đô thị Gốm	9,800	Xã Đồng Lợi	Văn bản số 6430/UBND-CN ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v tài trợ kinh phí đo vẽ địa hình, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư kết hợp dịch vụ thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao xã Đồng Lợi	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch

2.4	Khu dân cư mới đồng Vôi Mau thôn 5	0,600	Xã Nông Trường	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 12/01/2021 của HĐND xã Nông Trường	Trích vị trí do UBND xã Nông Trường lập ngày 12/01/2021	Phù hợp quy hoạch
2.5	Khu dân cư mới DurdônĐồng, Cồn Giếng dưới đồng thôn 3	6,000	Xã Nông Trường	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 12/01/2021 của HĐND xã Nông Trường	Trích vị trí do UBND xã Nông Trường lập ngày 12/01/2021	Phù hợp quy hoạch
2.6	Khu dân cư thôn 1	7,790	Xã Hợp Tiến	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND xã Hợp Tiến	Trích vị trí do UBND xã Hợp Tiến lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.7	Khu dân cư thôn 2	1,770	Xã Hợp Tiến	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND xã Hợp Tiến	Trích vị trí do UBND xã Thọ Dân lập ngày 10/8/2021	Phù hợp quy hoạch
2.8	Khu dân cư thôn Ngọc Đà (Giáp Sao Mai)	2,270	Xã Thọ Dân	Nghị quyết số 12a/NQ-HĐND ngày 07/8/2021 của HĐND xã Thọ Dân	Trích vị trí do UBND xã Thọ Dân lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.9	Khu dân cư thôn 3	1,150	Xã Thọ Tân	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Thọ Tân	Trích vị trí do UBND xã Thọ Tân lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.10	Khu dân cư thôn 2	1,000	Xã Thọ Tân	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Thọ Tân	Trích vị trí do UBND xã Thọ Tân lập ngày 04/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.11	Khu dân cư Đồng Quán thôn 6	2,200	Xã Thọ Ngọc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/7/2021 của HĐND xã Thọ Ngọc	Trích vị trí do UBND xã Thọ Ngọc lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.12	Khu dân cư Đình Cũ và thôn 9 xã Thọ Ngọc	2,120	Xã Thọ Ngọc	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 03/7/2021 của HĐND xã Thọ Ngọc	Trích vị trí do UBND xã Thọ Ngọc lập ngày 01/11/2021	Phù hợp quy hoạch
2.13	Khu dân cư thôn 1	0,900	Xã Thọ Sơn	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/01/2021 của HĐND xã Thọ Sơn	Trích vị trí do UBND xã Thọ Sơn lập ngày 02/11/2021	
2.14	Khu dân cư thôn 6	0,820	Xã Thọ Sơn	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/01/2021 của HĐND xã Thọ Sơn	Trích vị trí do UBND xã Thọ Sơn lập ngày 02/11/2021	

2.15	Khu dân cư mới xã Thọ Tiến	1,500	Xã Thọ Tiến	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND xã Thọ Tân	
2.16	Xen cư thôn Nga Nha Thượng	0,110	Xã Tiến Nông		Trích vị trí do UBND xã Tiến Nông lập ngày 05/11/2021
2.17	Khu dân cư thôn thôn Nga Nha Pho	1,600	Xã Tiến Nông	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND xã Tiến Nông	Trích vị trí do UBND xã Tiến Nông lập ngày 05/11/2021
2.18	Khu dân cư thôn thôn 1 (Hoà Triều)	0,530	Xã Tiến Nông	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/08/2021 của HĐND xã Tiến Nông	Trích vị trí do UBND xã Tiến Nông lập ngày 05/11/2021
2.19	Khu dân cư thôn Đồng Xá 2, thôn Thị Tứ	4,955	Xã Đồng Tiến	Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND xã Đồng Tiến	Trích vị trí do UBND xã Đồng Tiến lập ngày 02/11/2021
2.20	Khu dân cư mới thôn 6	0,750	Xã Thọ Thế	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 27/08/2021 của HĐND xã Thọ Thế	Trích vị trí do UBND xã Thọ Thế lập ngày 03/11/2021
2.21	Khu dân cư mới thôn 1	2,700	Xã Thọ Thế	Nghị quyết số 17A/NQ-HĐND ngày 27/08/2021 của HĐND xã Thọ Thế	Trích vị trí do UBND xã Thọ Thế lập ngày 03/11/2021
2.22	Khu dân cư Lò Gạch Xuân Tiên	4,000	Xã Dân Lực	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/01/2021 của HĐND xã Dân Lực	Trích vị trí do UBND xã Dân Lực lập ngày 04/11/2021
2.23	Khu dân cư thôn Yên Trinh từ đường tỉnh lộ 515C đi đả mỡ cồn chọi	2,500	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 13/08/2021 của HĐND xã Xuân Lộc	Trích vị trí do UBND xã Xuân Lộc lập ngày 07/8/2021
2.24	Khu dân cư thôn Thành Tín	4,800	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/08/2021 của HĐND xã Xuân Lộc	Trích vị trí do UBND xã Xuân Lộc lập ngày 07/8/2021
2.25	Khu dân cư thôn Phú Vinh giáp Sao Mai	3,450	Xã Xuân Thịnh	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/5/2021 của HĐND xã Xuân Thịnh	Trích vị trí do UBND xã Xuân Thịnh lập ngày 01/11/2021

2.26	Khu dân cư Doãn Thái	1,200	Xã Khuyến Nông	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của HĐND xã Khuyến Nông	Trích vị trí do UBND xã Khuyến Nông lập ngày 01/11/2021	
2.27	Khu dân cư Quần Thanh 1	4,570	Xã Khuyến Nông	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của HĐND xã Khuyến Nông	Trích vị trí do UBND xã Khuyến Nông lập ngày 01/11/2021	
2.28	Khu dân cư thôn 5	2,000	Xã Thọ Vực	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của HĐND xã Thọ Vực	Trích vị trí do UBND xã Thọ Vực lập ngày 01/11/2021	
2.29	Khu dân cư Thôn 2 (Mã Chua)	1,600	Xã Thọ Vực	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của HDND xã Thọ Vực	Trích vị trí do UBND xã Thọ Vực lập ngày 01/11/2021	
2.30	Khu dân cư mới thôn 14 điểm 3	0,450	Xã Thọ Bình	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã Thọ Bình	Trích vị trí do UBND xã Thọ Bình lập ngày 04/11/2021	
2.31	Khu dân cư mới thôn 14 điểm 1	0,320	Xã Thọ Bình	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã Thọ Bình	Trích vị trí do UBND xã Thọ Bình lập ngày 04/11/2021	
2.32	Khu dân cư mới thôn 1	0,830	Xã Thọ Bình	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã Thọ Bình	Trích vị trí do UBND xã Thọ Bình lập ngày 04/11/2021	
2.33	Khu dân cư QL 47 vị trí 1	5,940	Xã Dân Quyền	Văn bản số 4956/UBND-CN ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị Thiệu, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tập trung xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	
2.34	Khu dân cư QL 47 vị trí 2	5,750	Xã Dân Quyền	Văn bản số 4956/UBND-CN ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị Thiệu, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tập trung xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	

2.35	Khu dân cư mới thôn 6, thôn 8, thôn 9	1,500	Xã Dân Quyền	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND xã Dân Quyền	Trích vị trí do UBND xã Dân Quyền lập ngày 05/11/2021
2.36	Xen cư thôn 2	0,20	Xã Dân Quyền	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND xã Dân Quyền	Trích vị trí do UBND xã Dân Quyền lập ngày 05/11/2021
2.37	Khu Dân cư Đít Chùm thôn 4	0,33	Xã Dân Quyền	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND xã Dân Quyền	Trích vị trí do UBND xã Dân Quyền lập ngày 05/11/2021
2.38	Khu dân cư mới Phía Tây Bắc xã Đồng Thắng	7,400	Xã Đồng Thắng	Văn bản số 4268/UBND-CN ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng và khu dân cư mới xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
2.39	Khu dân cư mới Phía Tây Bắc xã Đồng Thắng	2,200	Xã Đồng Thắng Xã Đồng Tiến	Văn bản số 4268/UBND-CN ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng và khu dân cư mới xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
2.40	Đất ở xen cư khu ao xóm 8	0,030	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 03/11/2021
2.41	Đất ở xen cư tại thôn Đại Đồng 1	0,140	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 02/11/2021
2.42	Đất ở xen cư tại thôn Đại Đồng 1 tại Nhà văn hoá xóm 2)	0,020	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 02/11/2021
2.43	Đất ở xen cư tại thôn Đại Đồng 2	0,025	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 02/11/2021

2.44	Đất ở xen cư tại thôn Thanh Xuân	0,050	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	
2.45	Đất ở xen cư tại thôn Nhạ Lộc (tại nhà văn hoá xóm 8 cũ)	0,050	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 02/11/2021
2.46	Đất ở xen cư tại thôn Nhạ Lộc (tại nhà văn hoá xóm 89 cũ)	0,020	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 02/11/2021
2.47	Khu dân cư mới thôn Thu Phong và thôn Cát Lợi	1,950	Xã Triệu Thành	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND xã Triệu Thành	Trích vị trí do UBND xã Triệu Thành lập ngày 04/11/2021
2.48	Khu dân cư thôn Châu cương	1,300	Xã Hợp Thắng	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND xã Hợp Thắng	Trích vị trí do UBND xã Hợp Thắng lập ngày 03/11/2021
2.49	Khu dân cư mới xã Thái Hoà	3,600	Xã Thái Hoà	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND xã Thái Hoà	Trích vị trí do UBND xã Thái Hoà lập ngày 04/11/2021
2.50	Khu dân cư thôn 2	0,800	Xã Xuân Thọ	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND xã Xuân Thọ	Trích vị trí do UBND xã Xuân Thọ lập ngày 01/11/2021
2.51	Khu dân cư thôn 4	0,700	Xã Xuân Thọ	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND xã Xuân Thọ	Trích vị trí do UBND xã Xuân Thọ lập ngày 01/11/2021
2.52	Khu dân cư Đồng Sau thôn 3, thôn 4	0,600	Xã Xuân Thọ	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND xã Xuân Thọ	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 5256/TLBD tỷ lệ 1/500 ngày 14/7/2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá thực hiện
2.53	Khu dân cư mới thôn Tân Thành 4+5	2,810	Xã Minh Sơn	Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND xã Minh Sơn	Trích vị trí do UBND xã Minh Sơn lập ngày 24/9/2021
2.54	Khu dân cư mới thôn Bao Lâm	1,260	Xã Bình Sơn	Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND xã Bình Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021

2.55	Khu dân cư công sở cũ	0,320	Thọ Cường	Nghị Quyết số 116/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND xã Thọ Cường	Trích vị trí do UBND xã Thọ Cường lập ngày 05/11/2021
2.56	MBQH khu dân cư thôn Vĩnh Yên + Vĩnh Thọ Đồng Mưa Chợ mới xã An Nông	2,100	Xã An Nông	Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 17/09/2021 của HĐND xã An Nông	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
2.57	Đất ở đồng Mưa Thôn Vĩnh Thọ	0,130	Xã An Nông	Nghị quyết số 42 /NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của HĐND xã An Nông	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
2.58	Khu dân cư Thôn 7	3,000	Xã Vân Sơn	Nghị quyết số 23 /NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND xã Vân Sơn	Trích vị trí do UBND xã Vân Sơn lập ngày 10/11/2021
2.59	Khu dân cư mới thôn 5	3,700	Thọ Phú	Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 9/8/2021 của HĐND xã Thọ Phú	Trích vị trí khu đất trên nền bản đồ địa chính do UBND xã Thọ Phú lập ngày 09/8/2021
2.60	Khu dân cư mới thôn 3	0,630	Thọ Phú	Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 9/8/2021 của HĐND xã Thọ Phú	Trích lục địa chính khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn lập ngày 10/9/2021
2.61	Khu dân cư thôn Nội Sơn	1,500	Hợp Lý	Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND xã Hợp Lý	Trích vị trí do UBND xã Hợp Lý lập ngày 02/8/2021
2.62	Khu dân cư thôn Tiến Thành	1,000	Hợp Lý	Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND xã Hợp Lý	Trích vị trí do UBND xã Hợp Lý lập ngày 02/8/2021
2.63	Khu dân cư thôn Quang Thanh	0,250	Hợp Lý	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND xã Hợp Lý	Trích vị trí do UBND xã Hợp Lý lập ngày 02/8/2021
2.64	Khu dân cư thôn Diễn Ngoại	2,100	Hợp Thành	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND xã Hợp Thành	Trích vị trí do UBND xã Hợp Thành lập ngày 08/11/2021
2.65	Khu dân cư xã Dân Lý	0,180	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do UBND xã Dân Lý lập ngày 02/11/2021

2.66	Khu dân cư xã Dân Lý	0,240	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do UBND xã Dân Lý lập ngày 02/11/2021
2.67	Khu dân cư xã Dân Lý	0,930	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do UBND xã Dân Lý lập ngày 02/11/2021
2.68	Khu dân cư xã Dân Lý	0,600	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do UBND xã Dân Lý lập ngày 02/11/2021
3	Công trình giao thông	18,940			
3.1	Đường kết nối Quốc lộ 47C với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu Kinh tế Nghi Sơn đoạn từ Quốc lộ 47 - Tỉnh Lộ 514, huyện Triệu Sơn	9,170	Thị trấn Triệu Sơn, Xã Dân Lực	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	Sơ đồ Thiết kế theo tuyến
3.2	Đường nối tỉnh lộ 515C và đường từ cảng hàng không Thọ Xuân đi khu kinh tế Nghi Sơn từ xã Thọ Tân đi xã Hợp Lý - Xuân Thọ - Thọ Tiến	4,720	Xã Thọ Tân, Xã Hợp Lý, Xã Xuân Thọ, Xã Thọ Tiến	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	Sơ đồ Thiết kế theo tuyến
3.3	Mở rộng, nâng cấp tuyến từ khu đô thị Sao Mai đến C.ty giày da xã Thọ Dân	1,420	Xã Thọ Dân	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2021 của HĐND xã Thọ Dân	Vị trí theo tuyến
3.4	Đường từ cổng công ty mới đi thôn Hà Lũng Hạ	0,770	Xã Thọ Dân	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2021 của HĐND xã Thọ Dân	Vị trí theo tuyến
3.5	Mở rộng đường từ ngã tư đường tàu cũ đến đường nối trung tâm thành phố Thanh Hóa đi CHK Thọ Xuân 9(ht rộng 9m mở rộng lên 17 m	1,500	Xã Đồng Lợi		Vị trí theo tuyến
3.6	Mở rộng đường từ Quốc lộ 47 đi UBND xã Thọ Ngọc	0,500	Xã Thọ Ngọc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/7/2021 của HĐND xã Thọ Ngọc	Trích vị trí do UBND xã Thọ Ngọc lập ngày 01/11/2021
3.7	Mở rộng đường từ hộ bà Phượng đi hộ ông Cảnh	0,180	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 08/01/2021 của HĐND xã Xuân Lộc	Trích vị trí do UBND xã Xuân Lộc lập ngày 12/8/2021

3.8	Mở rộng tuyến đường từ hộ ông Nganh đi sang Xuân Thịnh	0,150	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/08/2021 của HĐND xã Xuân Lộc	Trích vị trí do UBND xã Xuân Lộc lập ngày 12/8/2021	
3.9	Làm mới tuyến kết nối đường TPTH-SVNS	0,400	Xã Đồng Thắng	Công văn số 16656/UBND-CN, ngày 22/10/2021 về việc đầu nối và đầu tư bổ sung điểm vượt nối đường vào xã Đồng Thắng với đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hoá nối với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi khu kinh tế Nghi Sơn	Theo Tuyến	
3.10	Mở rộng và làm mới đường giao thông nông thôn xã Thọ Tiến	0,130	Xã Thọ Tiến	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND xã Thọ Tiến	Trích vị trí do UBND xã Thọ Tiến lập ngày 01/11/2021	
4	Dự án thủy lợi	2,500				
4.1	Hoàn trả hệ thống kênh mương thủy lợi GPMB dự án cụm công nghiệp Hợp Thắng	2,500	Xã Hợp Thắng	Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v thành lập cụm công nghiệp Hợp Thắng	Theo Tuyến	
5	Dự án năng lượng	0,160			Theo Tuyến	
5.1	Xây dựng đường điện, cột điện và TBA xã Xuân Lộc	0,030	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 08/01/2021 của HĐND xã Xuân Lộc	Theo Tuyến	
5.2	CQT, giảm bán kính cấp điện, GTT và cải thiện chất lượng điện áp lưới điện khu vực TP Sầm Sơn, Triệu Sơn	0,011	Xuân Thọ	Mục 11 - Quyết định số 851/QĐ-EVNNPC ngày 13/04/2021	Có sơ đồ tuyến kèm theo	
		0,001	Hợp Thành			
		0,012	Đồng Lợi			
		0,010	Dân Lý			
		0,008	Dân Lực			

		0,003	Bình Sơn			
5.3	CQT, giảm tổn thất lưới điện hạ áp điện lực Triệu Sơn	0,005	Thọ Thế	Mục 14 - Quyết định số 2115/QĐ-EVNNPC ngày 26/8/2021	Có sơ đồ tuyển kèm theo	
		0,005	Đồng Tiến			
		0,006	Hợp Tiến			
5.6	Hoàn trả đường điện phụ vụ dự án GPMB cụm công nghiệp Hợp Thắng	0,020	Xã Hợp Thắng	Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v thành lập cụm công nghiệp Hợp Thắng	Theo Tuyển	
5.7	Hoàn trả đường điện dự án GPMB khu đô thị Sao Mai xã Minh Sơn và Thị trấn Triệu Sơn	0,050	Xã Minh Sơn, Thị trấn Triệu Sơn	Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 V/v điều chỉnh phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn	Theo Tuyển	
6	Công trình văn hóa	2,920				
6.1	Nhà văn hoá thôn Trúc Chuẩn 1	0,250	Xã Đồng Tiến	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND xã Đồng Tiến	Trích vị trí do UBND xã Đồng Tiến lập ngày 02/11/2021	
6.2	Nhà văn hoá thôn Đồng Vinh	0,380	Xã Đồng Tiến	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND xã Đồng Tiến	Trích vị trí do UBND xã Đồng Tiến lập ngày 02/11/2022	
6.3	Nhà văn hoá thôn Đồng Xá 1	0,140	Xã Đồng Tiến	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND xã Đồng Tiến	Trích vị trí do UBND xã Đồng Tiến lập ngày 02/11/2021	
6.4	Nhà văn hoá thôn 1	0,250	Xã Thọ Vực	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của HĐND xã Thọ Vực	Trích vị trí do UBND xã Thọ Vực lập ngày 01/11/2021	

6.5	Nhà văn hoá, khu thể thao thôn 1	0,260	Xã Xuân Thọ	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND xã Xuân Thọ	Trích vị trí do UBND xã Xuân Thọ lập ngày 01/11/2021
6.6	Nhà văn hóa thôn Gia Phú	0,150	Xã An Nông	Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 17/09/2021 của HĐND xã An Nông	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
6.7	Nhà Văn Hóa thôn Thanh Xuân	0,220	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
6.8	Nhà Văn Hóa thôn Nhạ Lộc	0,210	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đồng Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đồng Thắng lập ngày 03/11/2021
6.9	Nhà văn hoá Tổ dân phố 2	0,120	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 23/8/2021 của HĐND thị trấn Triệu Sơn	Trích vị trí do UBND thị trấn Triệu Sơn lập ngày 05/11/2021
6.10	Nhà văn hoá thôn 1	0,310	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/7/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
6.11	Nhà văn hoá thôn 3	0,280	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/7/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
6.12	Nhà văn hoá thôn 6	0,350	Xã Dân Lý	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/7/2021 của HĐND xã Dân Lý	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
7	Dự án cơ sở giáo dục	3,350			
7.1	Mở rộng trường mầm non	0,170	Xã Đồng Tiến	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND xã Đồng Tiến	
7.2	Trường THCS Tô Vĩnh Diện	1,800	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 23/8/2021 của HĐND thị trấn Triệu Sơn	Trích vị trí do UBND thị trấn Triệu Sơn lập ngày 05/11/2021

7.3	Trường mầm non xã Thọ Ngọc	0,800	Thọ Ngọc	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND xã Thọ Ngọc	
7.4	Mở rộng trường mầm non	0,220	Đông Thắng	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND xã Đông Thắng	Trích vị trí do UBND xã Đông Thắng lập ngày 03/11/2021
7.5	Mở rộng trường trung học cơ sở	0,360	Xã An Nông	Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 17/09/2021 của HĐND xã An Nông	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021
8	Dự án đất cơ sở tín ngưỡng	0,190			
8.1	Đình Bảo Long	0,190	Xã Hợp Tiến	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND xã Hợp Tiến	Trích vị trí do UBND xã Hợp Tiến lập ngày 03/11/2021
9	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	0,160			
9.1	Đền thờ Lê Lộng	0,160	Xã Thọ Vực	Văn bản số 9975/UBND-THKH ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
10	Dự án thu gom xử lý chất thải	1,490			
10.1	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1,000	Xã Xuân Thịnh	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 15/5/2021 của HĐND xã Xuân Thịnh	Trích vị trí do UBND xã Xuân Thịnh lập ngày 01/11/2021
10.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,490	Thị trấn Nưa	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND Thị trấn Nưa	Trích vị trí do UBND thị trấn Nưa lập ngày 04/11/2021
11	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	6,400			

11.1	Dự án hoàn trả nghĩa địa phục vụ thực hiện dự án Khu đô thị Sao Mai	3,500	Thị trấn Triệu Sơn	Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 V/v điều chỉnh phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Sao Mai xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	
11.2	Mở rộng nghĩa địa Áng Ma thôn 4	0,600	Xã Minh Sơn	Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND xã Minh Sơn	Trích vị trí do UBND xã Minh Sơn lập ngày 24/9/2021	
11.3	Mở rộng khu nghĩa địa Đô Thịnh, Đô Quang	2,300	Xã An Nông	Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 17/09/2021 của HĐND xã An Nông	Trích vị trí do Phòng TNMT Triệu Sơn lập ngày 01/11/2021	
12	Đất an ninh	0,120				
12.1	Trụ sở công an thị trấn Nưa	0,120	Thị trấn Nưa	Nghị Quyết số 188/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND thị trấn Nưa	Trích vị trí do UBND thị trấn Nưa lập ngày 04/11/2021	
B	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đã quá 3 năm tiếp tục thực hiện năm 2022	17,570				
I	Dự án khu dân cư	15,940				
1.1	Khu dân cư Đầm Bối Thôn Tân Minh (thôn 7 cũ)	0,620	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
1.2	Khu dân cư Thôn Tân Dân	4,600	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
1.3	Khu dân cư Nam Đồng Thiều	6,440	Thị trấn Triệu Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
1.7	Khu dân cư thôn 2 năm 2019	1,200	Xã Thọ Thế	Nghị quyết 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018		

1.8	Khu dân cư thôn 2 năm 2019	1,200	Xã Thọ Thế	Nghị quyết 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018		
1.9	Xen cư đất ở thôn 2 (điểm 1)	0,850	Xã Thọ Tân	Nghị quyết 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018		
1.11	Khu ao xen cư xóm 8	0,030	Xã Đồng Thắng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2019		
1.14	Khu dân cư thôn 5,3 (MB 2019)	1,000	Xã Thọ Cường	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
II	Dự án xây dựng cơ sở văn hoá	0,430				
2.1	Nhà văn hóa Tổ dân phố 8 (Thôn 8 cũ)	0,080	Thị trấn Nưa	Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND thị trấn Nưa		
2.4	Nhà văn hoá thôn Thành Tín	0,200	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
2.5	Nhà văn hoá thôn Thủy Tú	0,150	Xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
III	Dự án xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1,200				
3.1	Sân vận động trung tâm xã	1,200	Xã Thọ Cường	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa		
	Cộng Tổng	248,140				

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ,
RỪNG ĐẶC DỤNG TRONG NĂM 2022 CỦA HUYỆN TRIỆU SƠN**

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư thực hiện dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (cấp huyện)	Diện tích đất cần chuyển mục đích (ha)	Được lấy từ các loại đất					Sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện	Chủ trương đầu tư	Trích lục hoặc trích đo khu đất	Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục phải thu hồi đất
						LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất khác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7)+...(11)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng				18,63	14,8				3,79				
I	Dự án khu dân cư đô thị				3,69	3,39				0,3				
	Khu dân cư mới tổ dân phố 2 (vị trí 1)	UBND thị trấn Nưa	Thị trấn Nưa	Huyện Triệu Sơn	3,69	3,39				0,3		Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND Thị trấn Nưa	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số /TLBĐ tỷ lệ 1/1000 ngày /2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa thực hiện	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021
III	Dự án giao thông				10,15	7,06				3,09				
1	Dự án Đường nối từ đường giao thông liên xã Cầu Trắng - Đồng Lợi (xã Tiên Nông) đến Quốc lộ 47C (xã Vân Sơn), huyện Triệu Sơn	UBND huyện Triệu Sơn	Xã Tiên Nông, Xã Nông Trường, Xã Vân Sơn	Huyện Triệu Sơn	5,26	4,37				0,89		Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND Huyện Triệu Sơn	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 6021/TLBĐ; 6019/TLBĐ; 6020/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 ngày 09/11/2021 do chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn thực hiện	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

2	Đường nối từ đường giao thông liên xã Cầu Trắng - Đồng Lợi (Xã Khuyến Nông) đến đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa - CHK Thọ Xuân (xã Đồng Lợi)	UBND huyện Triệu Sơn	Xã Khuyến Nông, Xã Đồng Lợi	Huyện Triệu Sơn	4,89	2,69					2,2		Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND Huyện Triệu Sơn	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 6024/TLBĐ; 6026/TLBĐ; 6023/TLBĐ; 6025/TLBĐ, 6022/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 ngày 09/11/2021 do chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn thực hiện	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
C	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê QSD đất, nhận góp vốn bằng QSD đất														
I	Dự án Cơ sở sản xuất kinh doanh				4,79	4,39					0,4				
1	Mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên	Công ty Cổ phần sản xuất Bao bì Thái yên	Xã Thái Hoà	Huyện Triệu Sơn	4,79	4,39					0,40	Phù hợp với quy hoạch	Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên tại xã Thái Hoà, huyện Triệu Sơn	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 708/TLBĐ tỷ lệ 1/2000 ngày 29/10/2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá thực hiện	Nghị quyết 160/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa